

Phụ lục 53

BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BẢO LÂM 5

I. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hằng năm; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Loại đất	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)	98	78	64	44
2	Đất trồng cây lâu năm	102	80	65	45
3	Đất rừng sản xuất	20	15	13	8
4	Đất nuôi trồng thủy sản	65	52	43	30

2. Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng 80% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí.

3. Đất chăn nuôi tập trung: Giá đất được xác định bằng 110% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

4. Đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng 120% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

5. Đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí, nhưng mức giá tối đa không cao hơn giá đất phi nông nghiệp tại vị trí của thửa đất nông nghiệp đó; trường hợp theo quy định không xác định được loại đất nông nghiệp đang sử dụng thì xác định theo loại đất của diện tích đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất (chọn theo loại đất có diện tích lớn nhất và theo thứ tự nếu không xác định được theo diện tích liền kề thì xác định theo diện tích đất gần nhất).

II. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp

1. Đất ở:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Đoạn đường từ ranh giới xã Bảo Lâm 4 (xã B'Lá cũ) đến hết ranh giới thửa số 50 và 60, TĐĐ 70	260
2	Đoạn đường từ ranh giới thửa số 50 - 60, TĐĐ 70 đến hết ranh giới thửa số 60 và 82, TĐĐ 69	442
3	Đoạn đường từ ranh giới thửa số 167 và 199, TĐĐ 69 đến hết thửa đất số 404, TĐĐ 68 và Đoạn từ ngã 3 trung tâm xã Bảo Lâm 5 đến hết thửa 127, TĐĐ 59 (cây xăng Việt Hà)	650
4	Đoạn đường từ thửa số 121, TĐĐ 59 đến hết ranh giới thửa số 130, TĐĐ 49 (đỉnh đèo 4 cây)	386

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
5	Đoạn đường từ ranh giới thửa số 130, TBD 49 đến hết ranh thửa số 25, TBD 32 (từ đỉnh đèo 4 cây đến cầu II)	430
6	Đoạn đường từ thửa số 25, TBD số 32 đến hết thửa số 68 và 71, TBD 16 (Từ cầu II đến ngã ba đường đi thủy điện ĐasiAt)	260
7	Đoạn đường từ thửa số 52-64, TBD 16 (ngã ba ĐasiAt) đến giáp tỉnh Đắk Nông (cũ)	240
8	Đoạn đường từ thửa số 232, TBD số 39 đến hết thửa số 35, TBD 47 (từ ngã ba thôn 2 đi thủy điện Đồng Nai 5)	215
9	Đoạn đường từ ranh giới thửa số 404, TBD 64 đến hết thửa đất số 185, TBD 84 (trung tâm Lộc Bắc)	485
10	Đoạn đường thửa đất số 202, TBD 84 đến hết ranh giới thửa số 34 và 48, TBD 104	270
11	Đoạn đường từ ranh giới thửa số 34 và 48, TBD 104 đến hết thửa đất số 350, TBD 103	240
12	Đoạn đường từ ranh giới thửa số 350, TBD 103 đến hết ranh giới xã Bảo Lâm 5 (xã Lộc Bắc cũ)	208
13	Đoạn đường từ ngã ba UBND xã Lộc Bắc (cũ) đi thôn 2 Lộc Bắc: bắt đầu từ ranh giới thửa số 70-99, TBD số 84 đến hết ranh thửa số 64, TBD 66 (cầu thôn 2)	208
14	Đoạn đường trước nhà văn hóa cụm xã Lộc Bắc (cũ): từ ranh giới thửa số 197, TBD 75 đến hết thửa số 169-348, TBD số 75	188
15	Đoạn đường từ ngã 3 thôn 03 Lộc Bắc: bắt đầu từ thửa số 16-43, TBD 91 đến hết thửa số 38, TBD 83	176
16	Đoạn đường từ thôn 1 Lộc Bắc vào hầm đá: bắt đầu từ thửa số 96 và 118, TBD 84 đến hết thửa số 65, TBD 85)	169
17	Đoạn đường bắt đầu từ thửa số 44, TBD 84 đến hết thửa số 172, TBD 84	169
18	Đoạn đường bắt đầu từ thửa số 300, TBD 75 đến hết thửa số 314, TBD 75	169
19	Đoạn đường bắt đầu từ thửa số 246, TBD 75 đến hết thửa số 209, TBD 75	169
20	Đoạn đường Từ cầu thôn 2 Lộc Bắc đi Hang bom: bắt đầu từ thửa số 52-54, TBD 66 đến hết thửa số 33, TBD 64	143
21	Đoạn đường thôn 2 đi Lộc Bảo (cũ): bắt đầu từ thửa số 181, TBD 66 đến hết thửa số 19-20, TBD 66	169
22	Đoạn đường thôn 4 Lộc Bắc buôn B trú Đạ: bắt đầu từ thửa số 231, TBD 104 đến hết thửa số 344 và 345, TBD 104	156
23	Đoạn đường thôn 4 Lộc Bắc: bắt đầu từ thửa số 186-140, TBD 103 đến hết thửa số 82, TBD 103	137
24	Đoạn đường thôn 4 Lộc Bắc: bắt đầu từ thửa số 111, TBD 98 đến hết thửa số 78, TBD 98	137
25	Đoạn đường thôn 4 Lộc Bắc: bắt đầu từ thửa số 140, TBD 104 đến hết thửa số 192, TBD 104	137
26	Đoạn đường bắt đầu từ thửa số 104, TBD 76 đến hết thửa số 288, TBD 75	137
27	Đoạn đường bắt đầu từ thửa số 164, TBD 84 đi đồi Thanh Hóa (xã Lộc Bắc cũ) đến hết thửa 01, TBD 98	137
28	Đoạn đường bắt đầu từ thửa số 388, TBD 75 đến thửa số 120, TBD 74, đến hết thửa số 87, TBD 83	137

2. Đất thương mại, dịch vụ (TMDV); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (CSSXPNN); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (HĐKS):

DVT: 1.000 đồng/m²